

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 12/7/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB9645	Bùi Thị Thuý	An	21/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,5	6,67	Đạt	
2	BKCB9646	Huỳnh Trương Minh	Anh	22/10/2006	Tây Ninh	9,0	7,83	Đạt	
3	BKCB9647	Lưu Thuý Trâm	Anh	09/10/2006	Vĩnh Long	9,5	7,33	Đạt	
4	BKCB9648	Trần Nhật Văn	Anh	04/01/2006	Ninh Thuận	9,0	6,5	Đạt	
5	BKCB9649	Lê Thị Thanh	Bình	24/01/2006	Bình Phước	8,5	8,67	Đạt	
6	BKCB9650	Lưu Thị	Bông	27/03/2006	Bình Định	9,5	8,0	Đạt	
7	BKCB9651	Trần Diễm	Châu	09/03/2006	Bến Tre	10,0	7,17	Đạt	
8	BKCB9652	Đỗ Hoàng Anh	Đào	13/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
9	BKCB9653	Phan Tấn	Đạt	30/10/2004	Bình Định	9,75	7,17	Đạt	
10	BKCB9654	Võ Thị Ngọc	Đẹp	23/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,33	Đạt	
11	BKCB9655	Phan Thuý	Diễm	25/04/2001	Đắk Lắk	9,5	8,83	Đạt	
12	BKCB9656	Trương Thị Ngọc	Diễm	23/09/2006	Đắk Lắk	10,0	8,67	Đạt	
13	BKCB9657	Tô Thị Hạnh	Dung	25/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	7,33	Đạt	
14	BKCB9658	Nguyễn Thị Thuý	Dương	08/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	9,0	Đạt	
15	BKCB9659	Lê Hoàng Khánh	Duy	28/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	8,67	Đạt	
16	BKCB9660	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06/02/2006	An Giang	8,75	6,67	Đạt	
17	BKCB9661	Mai Trần Bích	Hằng	07/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
18	BKCB9662	Võ Ngọc Khánh	Hiền	27/01/2006	Bà Rịa-Vũng Tàu	8,75	8,5	Đạt	
19	BKCB9663	Đinh Ngọc	Hiếu	05/01/2006	Đắk Lắk	7,0	7,33	Đạt	
20	BKCB9664	Kiều Thị	Hoà	12/06/2003	Đắk Lắk	9,5	7,83	Đạt	
21	BKCB9665	Trần Huy	Hoàng	20/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,75	7,33	Đạt	
22	BKCB9666	Trần Lâm Khánh	Hưng	22/03/2003	Cà Mau	9,0	8,67	Đạt	
23	BKCB9667	Nguyễn Diễm	Hương	11/06/1998	Kiên Giang	7,5	8,0	Đạt	
24	BKCB9668	Nguyễn Thị Minh	Huyền	22/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,75	8,0	Đạt	
25	BKCB9669	Đặng Nguyễn Gia	Kiệt	14/02/2004	Quảng Nam	9,25	6,5	Đạt	
26	BKCB9670	Mai Thị Ngọc	Lan	23/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,25	7,83	Đạt	
27	BKCB9671	Nguyễn Mai Khánh	Linh	12/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	6,83	Đạt	
28	BKCB9672	Nguyễn Tú	Linh	20/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,75	7,17	Đạt	
29	BKCB9673	Trần Nguyễn Yến	Linh	02/12/2006	An Giang	6,75	7,33	Đạt	
30	BKCB9674	Nguyễn Văn Thành	Long	17/08/2005	Đắk Nông	5,25	6,5	Đạt	
31	BKCB9675	Nguyễn Đình	Luân	02/08/2006	Long An	9,75	5,0	Đạt	
32	BKCB9676	Huỳnh Thảo	My	29/03/2006	Đồng Tháp	8,5	8,33	Đạt	
33	BKCB9677	Lê Thị Thu	Ngân	20/04/2006	Đồng Tháp	9,25	8,67	Đạt	
34	BKCB9678	Nguyễn Kiều	Ngân	14/04/2006	Long An	9,5	5,5	Đạt	
35	BKCB9679	Đặng Huỳnh	Nghi	23/10/2006	Ninh Thuận	10,0	8,33	Đạt	
36	BKCB9680	Trần Tuấn	Nghi	08/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,25	8,67	Đạt	
37	BKCB9681	Trần Hoài Anh	Nghĩa	30/09/2006	Lâm Đồng	9,75	8,67	Đạt	
38	BKCB9682	Trương Trọng	Nghĩa	28/04/2005	Tiền Giang	9,5	7,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
39	BKCB9683	Ngô Thị	Nghiêm	30/04/1988	Kiên Giang	8,0	9,0	Đạt	
40	BKCB9684	Nguyễn Hồng	Ngọc	03/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
41	BKCB9685	Nguyễn Khánh	Ngọc	06/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,75	8,67	Đạt	
42	BKCB9686	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	22/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
43	BKCB9687	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	23/05/2005	Tây Ninh	7,25	6,0	Đạt	
44	BKCB9688	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	24/09/2006	Tây Ninh	9,75	7,33	Đạt	
45	BKCB9689	Bùi Thị Huỳnh	Nhi	01/07/2006	Bến Tre	10,0	6,67	Đạt	
46	BKCB9690	Lê Uyên	Nhi	12/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,0	Đạt	
47	BKCB9691	Phan Nguyễn Phương	Nhi	07/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
48	BKCB9692	Hồ Quỳnh	Như	20/06/2006	Tiền Giang	9,75	8,5	Đạt	
49	BKCB9693	Lê Trần Yến	Như	05/12/2004	Long An	7,75	9,0	Đạt	
50	BKCB9694	Lương Thị Quỳnh	Như	20/09/2005	Quảng Ngãi	7,0	5,33	Đạt	
51	BKCB9695	Phạm Thị Thuý	Nhung	23/08/2005	Bình Phước	7,0	6,67	Đạt	
52	BKCB9696	Võ Thị Hồng	Nhung	21/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	9,0	Đạt	
53	BKCB9697	Nguyễn Văn	Phong	15/11/2006	Bình Phước	6,0	6,33	Đạt	
54	BKCB9698	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	11/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,75	8,67	Đạt	
55	BKCB9699	Nguyễn Thị	Quyền	20/08/2005	Bình Thuận	8,0	8,0	Đạt	
56	BKCB9700	Lê Như	Quỳnh	08/07/2006	Đồng Tháp	10,0	8,5	Đạt	
57	BKCB9701	Phạm Xuân	Sang	20/09/2004	Bình Thuận	8,75	7,5	Đạt	
58	BKCB9702	Nguyễn Hoàn	Sanh	06/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	9,0	Đạt	
59	BKCB9703	Nguyễn Hồng	Sương	09/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
60	BKCB9704	Hà Minh	Tài	17/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,75	7,67	Đạt	
61	BKCB9705	Phạm Hữu	Tài	08/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,0	Đạt	
62	BKCB9706	Võ Dương	Tài	06/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	6,67	Đạt	
63	BKCB9707	Lê Minh	Tâm	05/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,75	8,5	Đạt	
64	BKCB9708	Võ Hoàng	Thái	03/03/2003	Long An	6,25	7,0	Đạt	
65	BKCB9709	Trần Thị Thiện	Thanh	15/12/2005	Long An	9,0	7,5	Đạt	
66	BKCB9710	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	15/11/2006	Quảng Ninh				Vắng
67	BKCB9711	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,75	7,67	Đạt	
68	BKCB9712	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/09/2005	An Giang	9,0	6,67	Đạt	
69	BKCB9713	Lạc Chí	Thiện	23/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,33	Đạt	
70	BKCB9714	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	06/04/2006	Long An	9,0	6,33	Đạt	
71	BKCB9715	Trần Thị Kim	Toa	20/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,25	6,33	Đạt	
72	BKCB9716	Hoàng Ngọc Anh	Thư	28/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,75	4,5	Không đạt	Excel không nội dung
73	BKCB9717	Bùi Thanh	Thúy	24/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	5,0	Đạt	
74	BKCB9718	Lê Thị Ngọc	Thúy	24/10/2006	Bình Phước	10,0	4,33	Không đạt	
75	BKCB9719	Lê Thị Thanh	Thúy	18/11/2006	Gia Lai	9,0	3,83	Không đạt	Excel không nội dung
76	BKCB9720	Bùi Thanh	Thúy	10/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,75	4,33	Không đạt	
77	BKCB9721	Nguyễn Anh	Toàn	01/01/2005	Cà Mau	9,0	5,67	Đạt	
78	BKCB9722	Nguyễn Hoàng Tuyết	Trâm	21/11/2006	Ninh Thuận	9,5	6,83	Đạt	
79	BKCB9723	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	04/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,75	4,33	Không đạt	
80	BKCB9724	Nông Ngọc	Trâm	28/05/2005	Bến Tre	10,0	6,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
81	BKCB9725	Lâm Bảo	Trân	15/10/2006	Bạc Liêu	9,0	5,0	Đạt	
82	BKCB9726	Nguyễn Thị Thanh	Trân	15/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,5	7,0	Đạt	
83	BKCB9727	Phạm Thị Ngọc	Trân	18/02/2006	Ninh Thuận	8,75	8,0	Đạt	
84	BKCB9728	Phan Bảo	Trân	30/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,25	8,33	Đạt	
85	BKCB9729	Nguyễn Thị Hoài	Trang	12/08/2006	Đồng Nai	7,0	5,33	Đạt	
86	BKCB9730	Trần Thị Thùy	Trang	11/06/2006	Quảng Ngãi	8,25	7,33	Đạt	
87	BKCB9731	Phạm Thị Tú	Trình	05/01/2006	Đồng Nai	8,75	7,0	Đạt	
88	BKCB9732	Hồ Văn	Trọng	01/08/2006	Gia Lai	10,0	7,0	Đạt	
89	BKCB9733	Bùi Thị Thu	Trúc	20/10/2006	Tây Ninh	9,5	6,17	Đạt	
90	BKCB9734	Hồ Nguyễn Đông	Trúc	06/11/2006	Bình Thuận	10,0	8,0	Đạt	
91	BKCB9735	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	11/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,75	8,33	Đạt	
92	BKCB9736	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	16/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,33	Đạt	
93	BKCB9737	Nguyễn Văn	Trung	26/03/2004	Thành phố Huế	9,25	7,0	Đạt	
94	BKCB9738	Võ Cát	Tường	20/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,25	5,67	Đạt	
95	BKCB9739	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyền	28/01/2004	Đồng Tháp	6,75	8,0	Đạt	
96	BKCB9740	Trần Thanh	Tuyền	29/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,33	Đạt	
97	BKCB9741	Ngô Nguyễn Ánh	Tuyết	26/07/2006	Đồng Nai	8,25	5,83	Đạt	
98	BKCB9742	Vũ Thị Ánh	Tuyết	02/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,5	4,33	Không đạt	Không Excel
99	BKCB9743	Trương Triệu	Vĩ	16/01/2006	Tây Ninh	7,5	6,0	Đạt	
100	BKCB9744	Nguyễn Lâm	Viên	16/06/2006	Quảng Ngãi	10,0	8,83	Đạt	
101	BKCB9745	Nguyễn Quang	Vinh	18/01/2002	Khánh Hòa	8,5	7,0	Đạt	
102	BKCB9746	Đoàn Thị Lệ	Vy	17/10/2006	Đắk Lắk	9,75	6,5	Đạt	
103	BKCB9747	Nguyễn Thị Như	Ý	10/01/2004	An Giang	9,75	8,67	Đạt	
104	BKCB9748	Võ Hà Hoàng	Yến	25/08/2006	Long An	9,0	7,67	Đạt	
105	BKCB9749	Nguyễn Lưu Thủy	An	26/11/2003	Đồng Tháp	10,0	8,67	Đạt	
106	BKCB9750	Nguyễn Ngọc Vinh	An	07/01/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,33	Đạt	
107	BKCB9751	Nguyễn Thành	An	08/07/2004	Bến Tre	8,0	9,0	Đạt	
108	BKCB9752	Đậu Duy	Anh	06/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	6,67	Đạt	
109	BKCB9753	Dương Huỳnh Tú	Anh	15/05/2006	Đồng Nai				Vắng
110	BKCB9754	Hồ Minh	Anh	01/01/2000	Cần Thơ	7,33	5,83	Đạt	
111	BKCB9755	Lê Kỳ Quang	Anh	25/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,83	Đạt	
112	BKCB9756	Ngô Đào Minh	Anh	11/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,17	Đạt	
113	BKCB9757	Nguyễn Phan Văn	Anh	06/12/2004	Thành phố Huế	8,33	9,83	Đạt	
114	BKCB9758	Nguyễn Quỳnh	Anh	15/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,67	Đạt	
115	BKCB9759	Nguyễn Thị Huynh	Anh	31/08/2004	Tây Ninh	6,67	6,5	Đạt	
116	BKCB9760	Nguyễn Vân	Anh	13/01/2004	Thành phố Đồng Nai	8,67	8,5	Đạt	
117	BKCB9761	Nguyễn Việt	Anh	27/01/2016	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,67	Đạt	
118	BKCB9762	Trần Nguyễn Hà	Anh	12/11/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,33	Đạt	
119	BKCB9763	Võ Nguyễn Trâm	Anh	15/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,33	Đạt	
120	BKCB9764	Thái Ngọc	Ánh	02/09/2004	Đắk Lắk	10,0	6,67	Đạt	
121	BKCB9765	Tổng Văn Thiên	Bảo	08/09/2005	Thành phố Huế	9,0	7,5	Đạt	
122	BKCB9766	Trần Thái Quang	Bảo	18/03/1998	Đồng Nai	8,67	9,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
123	BKCB9767	Nguyễn Đỗ Thanh	Bình	29/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,5	Đạt	
124	BKCB9768	Nguyễn Thanh	Bình	04/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	7,5	Đạt	
125	BKCB9769	Lê Thị	Châm	25/05/2002	Thanh Hóa	7,0	5,0	Đạt	
126	BKCB9770	Bùi Thanh Tường	Chi	31/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	6,17	Đạt	
127	BKCB9771	Trần Thị Yến	Chi	29/01/2001	An Giang	9,33	9,0	Đạt	
128	BKCB9772	Trần	Cương	15/12/1994	Đồng Nai	6,0	9,5	Đạt	
129	BKCB9773	Đặng Thị Hồng	Đào	16/09/1995	Tây Ninh	9,67	8,83	Đạt	
130	BKCB9774	Hồ Tấn	Đạt	15/08/2000	Đồng Nai	10,0	7,83	Đạt	
131	BKCB9775	Tăng Thành	Đạt	15/02/2005	Cà Mau	9,67	9,33	Đạt	
132	BKCB9776	Phan Châu	Đông	10/04/2001	Gia Lai	7,33	6,83	Đạt	
133	BKCB9777	Lê Thị Phương	Dung	11/01/2005	Vĩnh Long	9,67	9,0	Đạt	
134	BKCB9778	Nguyễn Thị Thuý	Dung	31/10/2004	Bình Thuận	9,67	8,0	Đạt	
135	BKCB9779	Phạm Trung	Dũng	15/09/2002	Ninh Bình	7,67	8,17	Đạt	
136	BKCB9780	Trương Văn Quang	Dũng	09/05/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,0	Đạt	
137	BKCB9781	Vũ Công	Được	30/12/2002	Ninh Bình	7,33	7,33	Đạt	
138	BKCB9782	Lê Văn	Dương	07/03/2007	Lâm Đồng	9,67	8,0	Đạt	
139	BKCB9783	Trần Thị	Dương	14/06/1980	Thái Bình	8,33	7,33	Đạt	
140	BKCB9784	Lưu Nguyễn Hoàng	Duy	28/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	Đạt	
141	BKCB9785	Trần	Duy	17/09/2007	Đắk Lắk				Vắng
142	BKCB9786	Cao Kỳ	Duyên	18/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,33	Đạt	
143	BKCB9787	Lê Nguyễn Thị	Duyên	05/10/2006	Đắk Lắk	9,67	9,33	Đạt	
144	BKCB9788	Nguyễn Ngọc Thiên	Duyên	15/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,33	Đạt	
145	BKCB9789	Nguyễn Trà Kỳ	Duyên	08/10/2004	Đồng Nai	8,0	7,67	Đạt	
146	BKCB9790	Phạm Nguyễn Kỳ	Duyên	25/10/2004	An Giang	9,67	8,83	Đạt	
147	BKCB9791	Nguyễn Thị Hương	Giang	01/04/2003	Bình Dương	9,67	6,17	Đạt	
148	BKCB9792	Đoàn Thanh	Hà	15/12/1995	Hà Nội				Vắng
149	BKCB9793	Huỳnh Mỹ	Hà	18/11/1998	Lâm Đồng	8,33	5,67	Đạt	
150	BKCB9794	Trần Thị	Hà	01/07/2004	Đắk Lắk	8,33	5,0	Đạt	
151	BKCB9795	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	26/02/1998	Long An	9,67	9,17	Đạt	
152	BKCB9796	Trần Thị Ngọc	Hân	09/06/2005	Tây Ninh	10,0	9,17	Đạt	
153	BKCB9797	Nguyễn Kim	Hăng	18/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	3,0	8,0	Không đạt	
154	BKCB9798	Trương Thị Diễm	Hăng	31/08/2004	Vĩnh Long	9,67	10,0	Đạt	
155	BKCB9799	Phan Anh	Hào	16/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
156	BKCB9800	Mai Tú	Hào	17/08/2000	Tây Ninh	8,67	9,17	Đạt	
157	BKCB9801	Cao Trung	Hậu	12/03/2005	Đắk Lắk	9,33	8,83	Đạt	
158	BKCB9802	Bùi Thị Diệu	Hiền	29/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,83	Đạt	
159	BKCB9803	Hoàng Thị Thanh	Hiền	06/11/2003	Đắk Lắk	8,0	7,17	Đạt	
160	BKCB9804	Trần Thị Thu	Hiền	31/01/2004	Lâm Đồng	9,0	7,17	Đạt	
161	BKCB9805	Nguyễn Trần Duy	Hiệp	07/02/2005	Thành phố Huế	9,67	9,67	Đạt	
162	BKCB9806	Trương Thị Kim	Hoa	22/01/2006	Thành phố Đà Nẵng				Vắng
163	BKCB9807	Hồ Lê Việt	Hoàng	02/02/2000	Gia Lai	8,33	9,67	Đạt	
164	BKCB9808	Nguyễn Văn	Hoàng	15/05/2004	Gia Lai	10,0	9,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
165	BKCB9809	Phùng Huy	Hoàng	03/03/2004	Bình Định	5,0	6,17	Đạt	
166	BKCB9810	Trương Châu Bách	Hợp	23/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,33	Đạt	
167	BKCB9811	Hoàng Thị Như	Huế	15/08/2006	Quảng Ngãi	6,33	6,0	Đạt	
168	BKCB9812	Nguyễn Hoàng Gia	Hưng	14/11/2000	Hà Tĩnh	7,33	7,0	Đạt	
169	BKCB9813	Hồ Ngọc Lan	Hương	28/02/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,5	Đạt	
170	BKCB9814	Lê Thị Song	Hương	15/11/2006	Long An	9,0	7,67	Đạt	
171	BKCB9815	Võ Thị Quỳnh	Hương	16/04/2006	Đồng Tháp	10,0	10,0	Đạt	
172	BKCB9816	Lê Thị	Hường	05/04/2000	Thanh Hóa	10,0	9,83	Đạt	
173	BKCB9817	Hồ Quốc	Huy	24/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,67	Đạt	
174	BKCB9818	Nguyễn Quốc	Huy	10/12/2000	Lâm Đồng	9,0	9,5	Đạt	
175	BKCB9819	Phạm Đức	Duy	03/09/2003	Long An	8,33	3,5	Không đạt	Không Excel
176	BKCB9820	Trần Đăng	Huy	20/03/2002	Cà Mau	6,0	6,17	Đạt	
177	BKCB9821	Lê Minh	Kha	06/12/2006	Đồng Tháp				Vắng
178	BKCB9822	Cao Xuân	Khánh	15/11/1987	Tây Ninh	9,67	9,0	Đạt	
179	BKCB9823	Hồ Duy	Khánh	24/05/2005	An Giang	9,67	9,17	Đạt	
180	BKCB9824	Phạm Công	Khánh	07/12/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,67	Đạt	
181	BKCB9825	Tô Hoàng Bảo	Khánh	02/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,83	Đạt	
182	BKCB9826	Đinh Đăng	Khoa	10/10/2005	Cà Mau	9,67	8,5	Đạt	
183	BKCB9827	Hà Anh	Khoa	11/08/2005	Tây Ninh	9,67	8,5	Đạt	
184	BKCB9828	Nguyễn Thị Yến	Khoa	06/03/2005	Đồng Tháp	9,33	8,83	Đạt	
185	BKCB9829	Lê Đỗ Tấn	Khôi	29/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,33	Đạt	
186	BKCB9830	Trịnh Phạm Đăng	Khôi	02/01/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,67	Đạt	
187	BKCB9831	Đỗ Trung	Kiên	06/03/2001	Đắk Lắk	6,67	8,67	Đạt	
188	BKCB9832	Hồ Gia	Kiệt	22/12/2005	Gia Lai	6,0	9,0	Đạt	
189	BKCB9833	Dương Thiên	Kim	04/05/2004	Cà Mau	9,67	9,0	Đạt	
190	BKCB9834	Nguyễn Văn Hải	Lâm	07/05/2003	Cà Mau				Vắng
191	BKCB9835	Vũ Yến	Lan	25/07/2004	Đồng Nai	7,33	7,33	Đạt	
192	BKCB9836	Huỳnh Thị	Liên	10/06/1997	Tây Ninh	9,0	9,0	Đạt	
193	BKCB9837	Bùi Thị Phương	Linh	21/07/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,5	Đạt	
194	BKCB9838	Lương Mỹ	Linh	11/01/2005	Sóc Trăng				Vắng
195	BKCB9839	Nguyễn Mỹ	Linh	16/07/2005	Đồng Tháp	8,33	5,5	Đạt	
196	BKCB9840	Phạm Ngọc Xuân	Linh	26/10/2005	Đồng Nai	7,67	7,33	Đạt	
197	BKCB9841	Trương Tuyết	Linh	30/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,33	Đạt	
198	BKCB9842	Nguyễn Phương	Linh	23/12/1996	Ninh Thuận	8,67	8,0	Đạt	
199	BKCB9843	Nguyễn Thị Kiều	Loan	07/11/2005	Lâm Đồng	7,33	8,33	Đạt	
200	BKCB9844	Nguyễn Hoàng	Luân	02/11/2005	Tây Ninh	8,0	8,83	Đạt	
201	BKCB9845	Nguyễn Thị	Lương	26/06/2006	Hà Tĩnh	9,67	9,83	Đạt	
202	BKCB9846	Lê Hồng	Lượng	06/03/2004	Tây Ninh	8,67	8,67	Đạt	
203	BKCB9847	Đỗ Thị Tuyết	Mai	12/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,17	Đạt	
204	BKCB9848	Huỳnh Thị Trúc	Mai	01/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,5	Đạt	
205	BKCB9849	Nguyễn Thị Xuân	Mai	10/02/2005	Đồng Nai	7,33	6,0	Đạt	
206	BKCB9850	Bùi Hoàng	Minh	23/08/2007	Vĩnh Long	7,0	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
207	BKCB9851	Đặng Tiểu	My	24/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,0	Đạt	
208	BKCB9852	Đào Cẩm	My	14/05/2007	Gia Lai	8,67	6,5	Đạt	
209	BKCB9853	Lê Phương	My	05/11/2004	Khánh Hòa	6,0	6,5	Đạt	
210	BKCB9854	Trần Thảo	My	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
211	BKCB9855	Võ Diễm	My	31/05/2004	Đồng Tháp	9,33	9,5	Đạt	
212	BKCB9856	Lê Thị Bích	Nga	06/04/1998	Quảng Ngãi	8,67	9,33	Đạt	
213	BKCB9857	Trần Thị Hồng	Nga	21/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	Đạt	
214	BKCB9858	Hồ Trần Hồng	Ngân	01/11/2000	Lâm Đồng	8,33	7,5	Đạt	
215	BKCB9859	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	17/11/2003	Tây Ninh	9,0	5,0	Đạt	
216	BKCB9860	Bùi Hoài	Ngọc	01/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
217	BKCB9861	Nguyễn Thị Như	Ngọc	18/09/2003	Đồng Tháp	9,0	7,0	Đạt	
218	BKCB9862	Phạm Đào Như	Ngọc	12/08/2007	Quảng Ngãi	8,0	7,5	Đạt	
219	BKCB9863	Trần Thị Kim	Ngọc	22/04/2004	Thành phố Đồng Nai	8,33	8,67	Đạt	
220	BKCB9864	Phạm Thị Bích	Ngọc	08/05/2007	Đồng Nai	4,33	5,83	Không đạt	
221	BKCB9865	Cao Sĩ	Nguyên	21/04/2004	An Giang	8,67	5,83	Đạt	
222	BKCB9866	Lê Phúc	Nguyên	05/04/2004	Gia Lai	9,67	7,0	Đạt	
223	BKCB9867	Nguyễn Đăng	Nguyên	01/05/2007	Quảng Nam	7,33	5,0	Đạt	
224	BKCB9868	Nguyễn Lê	Nguyên	11/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,83	Đạt	
225	BKCB9869	Phạm Nguyễn	Nguyên	10/07/2006	Đồng Nai	8,67	3,5	Không đạt	Word không nội dung
226	BKCB9870	Nguyễn Thiện	Nhân	18/03/2004	Đồng Nai				Vắng
227	BKCB9871	Đặng Trung	Nhân	08/09/2003	Long An	6,0	5,67	Đạt	
228	BKCB9872	Trần Thiện	Nhân	16/12/2006	Đồng Nai	6,67	5,5	Đạt	
229	BKCB9873	Lê Huỳnh Phương	Nhi	28/04/2007	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
230	BKCB9874	Lý Ngọc Phương	Nhi	03/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,33	Đạt	
231	BKCB9875	Nguyễn Tổ	Nhi	07/12/2006	An Giang	9,67	9,17	Đạt	
232	BKCB9876	Trần Thuý	Nhi	11/12/2003	Gia Lai	9,67	8,33	Đạt	
233	BKCB9877	Lê Thị Huỳnh	Như	14/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,0	Đạt	
234	BKCB9878	Mai Quỳnh	Như	01/09/2003	Gia Lai	6,0	5,0	Đạt	
235	BKCB9879	Trương Lê Tổ	Như	10/08/2004	Tây Ninh	9,67	7,33	Đạt	
236	BKCB9880	Huỳnh Hồng	Nhung	09/08/2006	Gia Lai	9,67	8,5	Đạt	
237	BKCB9881	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	23/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,17	Đạt	
238	BKCB9882	Nguyễn Thị Thảo	Nhung	29/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,17	Đạt	
239	BKCB9883	Võ Thị Ngọc	Nhung	08/01/1978	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	5,33	Đạt	
240	BKCB9884	Lê Hoàng	Nhựt	05/11/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	6,33	Đạt	
241	BKCB9885	Nguyễn Văn	Oanh	25/02/1968	Thành phố Hồ Chí Minh	4,33	6,17	Không đạt	
242	BKCB9886	Phạm Thị Hồng	Oanh	12/10/2004	Thanh Hóa	9,33	7,67	Đạt	
243	BKCB9887	Trần Đặng Kiều	Oanh	05/01/2005	Đồng Nai	10,0	9,0	Đạt	
244	BKCB9888	Vũ Đoàn Kim	Oanh	25/09/2006	Đắk Lắk	6,33	8,33	Đạt	
245	BKCB9889	Nguyễn Vạn	Phát	29/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
246	BKCB9890	Lưu Hải	Phú	24/12/2004	Phú Yên	6,33	7,67	Đạt	
247	BKCB9891	Nguyễn Lê Thiên	Phúc	22/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	7,33	Đạt	
248	BKCB9892	Nguyễn Minh	Phương	01/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
249	BKCB9893	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phương	21/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,17	Đạt	
250	BKCB9894	Tổng Thị Trúc	Phương	24/10/2006	Đồng Nai	9,0	7,33	Đạt	
251	BKCB9895	Lê Đào Bích	Phượng	17/12/2005	Thanh Hóa	9,0	7,33	Đạt	
252	BKCB9896	Nguyễn Lê	Quân	16/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,83	Đạt	
253	BKCB9897	Nguyễn Thiệu Minh	Quang	16/05/2001	Đồng Tháp	7,0	8,67	Đạt	
254	BKCB9898	Phạm Phú	Quốc	22/11/2000	Đắk Lắk	5,67	6,17	Đạt	
255	BKCB9899	Phạm Thủy	Quyên	13/11/2000	Quảng Trị	10,0	8,83	Đạt	
256	BKCB9900	Lưu Gia	Quyên	04/01/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,5	Đạt	
257	BKCB9901	Lê Nhật	Quỳnh	22/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	Đạt	
258	BKCB9902	Lê Thị Nguyễn Như	Quỳnh	17/11/2002	Tây Ninh	7,0	6,83	Đạt	
259	BKCB9903	Phan Trần Như	Quỳnh	15/02/2005	Hà Tĩnh	3,33	4,33	Không đạt	
260	BKCB9904	Phạm Tăng Vĩnh	Sang	21/02/2004	Bình Thuận	9,67	7,83	Đạt	
261	BKCB9905	Đỗ Thị Tú	Sương	21/04/2005	Vĩnh Long	8,67	8,67	Đạt	
262	BKCB9906	Nguyễn Tấn	Tài	23/10/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,67	Đạt	
263	BKCB9907	Tổng Thế	Tài	18/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,0	Đạt	
264	BKCB9908	Bào Thanh	Tâm	13/10/2002	Tiền Giang				Vắng
265	BKCB9909	Huỳnh Thiên Ái	Tâm	18/05/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,83	Đạt	
266	BKCB9910	Võ Đình	Tân	28/02/1999	Đắk Lắk	8,0	7,5	Đạt	
267	BKCB9911	Trần Hoài	Tây	02/11/1998	Thành phố Đà Nẵng	8,67	8,0	Đạt	
268	BKCB9912	Lưu Hoàng	Thái	20/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,33	Đạt	
269	BKCB9913	Trương Thiên	Thanh	26/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,0	Đạt	
270	BKCB9914	Lý Nghiệp	Thành	24/09/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,33	Đạt	
271	BKCB9915	Lê Thị Thanh	Thảo	10/02/2006	Long An	6,67	7,67	Đạt	
272	BKCB9916	Nguyễn Hoàng Uyên	Thảo	04/08/2004	Lâm Đồng	9,33	8,83	Đạt	
273	BKCB9917	Nguyễn Thị Minh	Thảo	19/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
274	BKCB9918	Nguyễn Kim	Thị	11/10/1995	Tây Ninh	8,67	7,33	Đạt	
275	BKCB9919	Phạm Quý	Thiện	01/01/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	6,83	Đạt	
276	BKCB9920	Kheo Trường	Thịnh	19/07/2004	Đồng Nai	6,33	6,5	Đạt	
277	BKCB9921	Trương Duy	Thoại	21/03/2001	Bến Tre	8,0	7,83	Đạt	
278	BKCB9922	Đặng Minh	Thư	04/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,83	Đạt	
279	BKCB9923	Đoàn Thị Cẩm	Thư	11/05/2005	Quảng Ngãi	9,33	9,33	Đạt	
280	BKCB9924	Lê Nguyễn Anh	Thư	14/11/2006	Lâm Đồng	9,67	9,17	Đạt	
281	BKCB9925	Nguyễn Minh	Thư	14/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,5	Đạt	
282	BKCB9926	Nông Thị	Thư	07/10/2005	Đồng Nai	8,0	8,5	Đạt	
283	BKCB9927	Trần Anh	Thư	13/03/2005	Sóc Trăng	6,33	6,33	Đạt	
284	BKCB9928	Huỳnh Nguyễn Xuân	Thuy	31/03/2005	Thành phố Đà Nẵng	9,33	9,0	Đạt	
285	BKCB9929	Đinh Lê Hồng	Thủy	25/03/2004	Khánh Hòa	8,33	6,0	Đạt	
286	BKCB9930	Lê Thuý	Tiên	08/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,0	Đạt	
287	BKCB9931	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	22/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
288	BKCB9932	Tăng Kim Anh	Tính	22/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,83	Đạt	
289	BKCB9933	Lê Châu Khánh	Toàn	26/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	5,5	Đạt	
290	BKCB9934	Trần Thị Ngọc	Trâm	05/02/2003	Đồng Tháp	10,0	8,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
291	BKCB9935	Hồ Nguyễn Bảo	Trân	26/10/2006	Đắk Lắk	8,33	8,17	Đạt	
292	BKCB9936	Nguyễn Bích	Trân	09/10/2004	Khánh Hòa	7,33	6,33	Đạt	
293	BKCB9937	Phan Thị Huyền	Trân	12/03/2005	An Giang	8,33	5,17	Đạt	
294	BKCB9938	Cù Đoan	Trang	21/05/2001	Vĩnh Long	6,67	6,33	Đạt	
295	BKCB9939	Dương Thị Yến	Trang	26/05/2006	Đồng Nai	5,33	5,0	Đạt	
296	BKCB9940	Hồ Thị Thuỳ	Trang	23/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,67	Đạt	
297	BKCB9941	Lê Thị Hoàng	Trang	08/03/2006	Quảng Ngãi	8,0	6,83	Đạt	
298	BKCB9942	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	04/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	5,5	Đạt	
299	BKCB9943	Phạm Thị Thu	Trang	12/02/2000	Gia Lai	6,67	8,33	Đạt	
300	BKCB9944	Nguyễn Thị Phương	Trình	12/03/1982	Vĩnh Long	8,0	5,33	Đạt	
301	BKCB9945	Hồ Ngọc Thanh	Trúc	16/08/2001	Gia Lai	8,67	7,33	Đạt	
302	BKCB9946	Lê Thị Diễm	Trúc	23/06/2005	Vĩnh Long	8,0	8,17	Đạt	
303	BKCB9947	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/12/2005	Vĩnh Long	9,33	7,17	Đạt	
304	BKCB9948	Tô Nguyễn Minh	Trúc	12/11/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,0	Đạt	
305	BKCB9949	Võ Thanh	Trúc	01/02/2004	Vĩnh Long	9,67	8,33	Đạt	
306	BKCB9950	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	18/04/2004	Đắk Lắk	8,0	6,67	Đạt	
307	BKCB9951	Võ Hoài	Tú	10/02/2004	Đồng Tháp	7,67	6,5	Đạt	
308	BKCB9952	Nguyễn Anh	Tuấn	07/04/2005	Đồng Nai	9,33	5,5	Đạt	
309	BKCB9953	Đỗ Ánh	Tuyết	26/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,67	Đạt	
310	BKCB9954	Nguyễn Phương	Uyên	02/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	3,67	Không đạt	
311	BKCB9955	Nguyễn Đại	Việt	03/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,0	Đạt	
312	BKCB9956	Dương Thế	Vinh	21/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	8,17	Đạt	
313	BKCB9957	Phạm Thế	Vinh	01/11/2004	Gia Lai	8,0	6,83	Đạt	
314	BKCB9958	Võ Đại	Vinh	22/05/1978	Thành phố Đà Nẵng	10,0	8,83	Đạt	
315	BKCB9959	Đàm Thoại Tường	Vy	08/04/2005	Hậu Giang	9,67	8,17	Đạt	
316	BKCB9960	Nguyễn Thanh Kiều	Vy	11/07/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,83	Đạt	
317	BKCB9961	Vũ Ngọc Thúy	Vy	27/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
318	BKCB9962	Châu Như	Ý	25/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,83	Đạt	
319	BKCB9963	Nguyễn Thị Kim	Ý	16/09/2005	Quảng Ngãi	9,33	8,0	Đạt	
320	BKCB9964	Nguyễn Thị Như	Ý	25/05/2005	Thành phố Huế	10,0	7,5	Đạt	
321	BKCB9965	Lê Bình	Yên	20/07/2005	Cà Mau	9,33	8,5	Đạt	
322	BKCB9966	Hà Hải	Yên	23/10/2005	Lâm Đồng	10,0	8,67	Đạt	
323	BKCB9967	Nguyễn Hải	Yên	19/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
324	BKCB9968	Võ Hoàng	Yên	01/09/2006	Gia Lai	9,67	8,17	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh: 324
Số lượng hiện diện: 306

Số thí sinh đạt: 293

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
-----	-----	-----------	-----------	----------	----------------	----------------	---------	---------

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam